



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 15/01/2026 (Thursday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
3.4	21:30	00:30	↙
1.2	05:37	09:15	↗
3.3	13:35	17:00	↙
3.1	18:01	21:30	↗
3.4	22:21	01:30	↙
1	06:22	10:00	↗

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Trung	STARSHIP MERCURY	9.3	197	27,997	P/s3 - CL5	05:30	//0730-MP	A5-A6
2	Quang	UNI PRUDENT	9.2	182	17,887	P/s3 - BNPH	04:00	//0700	A1-A3
3	V.Hải	YM HARMONY	8.3	169	15,167	P/s3 - CL1	05:00	//0800	A2-TM
4	Chương	MAERSK NORBERG	9.5	172	25,514	P/s3 - CL7	04:30	//0730	A5-A6
5	Đức	POS SINGAPORE	7.5	172	17,846	H25 - TCHP	05:00		08-12
6	Nghị	GSL AFRICA	10.4	200	27,213	P/s3 - CL3	11:30	//1500	A5-A6
7	N.Hiến	SITC MINH	7	146	9,950	P/s3 - CL1	15:00	//1600	A2-01
8	M.Hùng	THÁI HUNG 126	6.3	92	2,984	H25 - CanGio	13:00		
9	Hoàn	KKD 5	3	57	398	P/s1 - TL CL7	13:00		01
10	Tân	SHENG LI JI	8.7	172	18,219	P/s3 - CL7	16:30		A2-A3
11	Vinh	SAWASDEE SPICA	10	172	18,072	P/s3 - CL4	16:30	//1800	A3-TM
12	N.Cường	NEXOE MAERSK	9.5	199	27,733	P/s3 - CL5	22:00	Cano DL	A5-A6
13	Quyết	GH RIVER	8.9	180	19,279	P/s3 - CL4-5	21:00	Cano DL	A1-A2
14	Quân	WAN HAI 289	10.5	175	20,899	P/s3 - BNPH	19:00	//2200	A1-A3
15	Uy	GREEN PACIFIC	8.5	147	12,545	H25 - TCHP	19:00		08-12
16	P.Hung	HANSA FRESBURG	10	176	18,296	P/s3 - BP6	21:00	Thả neo tăng cường dây	
17	P.Tuấn	WAN HAI 286	9.8	175	20,924	P/s3 - CL1	22:30	//0100	
18	Khái	KYOTO TOWER	9.2	172	17,229	P/s3 - CL4	04:30	// 07.30	
19	P.Thùy - V.Dũng	TPC206-TK02+TPC206-SL02	2.9	200	6,257	H25 - CanGio	10:30	ĐX	
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Đ.Chiến - Đ.Toàn	COSCO SHIPPING CARNATION	12.3	366	157,741	P/s3 - CM4	05:00	Y/c MT-VTX	A9-A10-H9

2	P.Hùng - Th.Hùng	ONE SINGAPORE	10	336	140,233	P/s3 - CM3	03:30	MP-3NM-VTX	MR-KS-AWA
3	N.Cường - N.Minh	ZIM ARIES	13.5	273	74,763	CM2 - P/s3	06:00	MP	MR-KS
4	P.Tuấn	ADDISON	11.1	222	27,779	CM4 - P/s3	04:30	VTX	A10-STAR2
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	M.Tùng - Duy	NYK CLARA	9.8	210	27,051	CL4-5 - P/s3	07:00		A2-A6
2	P.Cần	SAWASDEE SIRIUS	9.8	173	18,051	CL4 - P/s3	07:00		A5-01
3	Hà - Quyển	MILD CHORUS	8	148	9,994	TCHP - H25	02:30		08-12
4	H.Trường	NICOLINE MAERSK	8.7	199	27,733	CL5 - P/s3	08:30		A5-A6
5	N.Chiến	KMTC TOKYO	8.6	173	17,853	BNPH - P/s3	07:00		A1-A3
6	Đ.Minh	SAWASDEE INCHEON	9.7	172	18,051	CL1 - P/s3	07:30		A2-TM
7	Đ.Long	DONGJIN VOYAGER	8.8	173	18,559	CL7 - P/s3	07:30		A1-A3
8	Thịnh - Chính	RACHA BHUM	10	211	32,190	CL3 - P/s3	10:30		A5-A6
9	K.Toàn	KYOTO TOWER	7.7	172	17,229	CL4 - P/s3	19:00		A1-A3
10	T.Tùng	YM HARMONY	8.5	169	15,167	CL1 - P/s3	18:00		A2-01
11	Quang	MAERSK NORBERG	9.5	172	25,514	CL7 - P/s3	20:00		A5-A6
12	H.Thanh	KKD 5	3	57	398	TL CL7 - H25	19:00		01
13	Chương	STARSHIP MERCURY	9.2	197	27,997	CL5 - P/s3	01:00	Cano DL	A5-A6
14	Khái	POS SINGAPORE	8.5	172	17,846	TCHP - H25	21:00		08-12
15	Đức	UNI PRUDENT	7.4	182	17,887	BNPH - P/s3	20:00	Cano DL	A1-A3
16	Q.Hung	TC PRINCESS	4.8	66	2,245	696 - H25	13:00	ĐX	
17	Giang	VIET TRUNG 135	3	96	2,917	CanGio - H25	13:00	ĐX	
18	Diệu	PHU QUY 126	3.6	100	4,332	CanGio - H25	12:30	ĐX	
19	Trung - V.Hải	WAN HAI 353	8.8	204	30,519	CL4-5 - P/s3	23:30	ĐX	
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	T.Tùng - H.Thanh	WAN HAI 353	10.3	204	30,519	BP7 - CL4-5	07:30	ĐX	